

Bản án số: 83/2025/DSPT

Ngày: 23/05/2025

V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Bản;

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuý;

Ông Hoàng Văn Giang;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Văn Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:** Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 05 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 24 tháng 04 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐ - PT ngày 21 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

2. Chị Dương Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Vĩnh T1 - Luật sư Văn phòng L - Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: P.301/B13/K14 N, Đ, TP ..(Có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Bùi Doãn S, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đào Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn G, xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

2. Bà Dương Thị H1, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị T và chị Dương Thị N trình bày: Vì cho rằng bà Nguyễn Thị Bích H2 (sinh năm 1985, địa chỉ tại xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội) có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình nên bà T và chị N có nhu cầu thuê Luật sư để đại diện để bảo vệ quyền lợi của mình. Do có người giới thiệu nên ngày 15/12/2022 bà T và chị N có ký với ông Bùi Doãn S, sinh năm 1971, có địa chỉ tại xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên hợp đồng dịch vụ (khi đó bà T và chị N cho rằng ông S là Luật sư). Mục đích ký hợp đồng là để ông S đại diện mình đến gặp gỡ và làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để đề nghị khởi tố vụ án hình sự đối với bà H2. Theo trình bày của các nguyên đơn thì: Trước khi ký hợp đồng, ông S có nói đây là vụ án hình sự nên bà T và chị N đã tin tưởng nên đã ký hợp đồng. Theo thỏa thuận, bên thuê phải trả cho bên cung cấp dịch vụ số tiền là 120.000.000 đồng và ngay sau ký, bà T và chị N đã thanh toán tiền cho ông S, cụ thể: Bà T chuyển cho ông S số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng, trong đó có 20.000.000 đ (hai mươi) triệu đồng là của bà H; chị N chuyển cho ông S số tiền 30.000.000 đ (ba mươi) triệu đồng. Nhưng sau ký hợp đồng, ông S không thực hiện được nội dung mà hai bên đã thỏa thuận nên bà T đã huỷ hợp đồng và yêu cầu ông S trả lại số tiền đã nhận nhưng ông S không đồng ý.

Nay bà T và chị N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết huỷ hợp đồng dịch vụ lập ngày 15/12/2022 giữa bên uỷ quyền là bà Nguyễn Thị T với bên nhận uỷ quyền là ông Bùi Doãn S; buộc ông Bùi Doãn S trả lại cho bà số tiền là 130.000.000^d (một trăm ba mươi triệu đồng).

Chị Dương Thị N trình bày bổ sung:

Chị cũng bị bà H2 lừa đảo chiếm đoạt tiền như bà T nên ngày 15/12/2022 chị có nhất trí ký hợp đồng dịch vụ với ông S, nhưng do ông S không thực hiện được nội dung đã thỏa thuận nên chị đã huỷ hợp đồng đề nghị ông S trả lại cho chị. Trong số tiền bà T đã trình bày thì số tiền chị yêu cầu ông S trả lại là 30.000.000 đồng.

Bị đơn – ông Bùi Doãn S trình bày:

Ngày 15/12/2022, ông có ký hợp đồng dân sự và hợp đồng uỷ quyền tham gia tố tụng với bên uỷ quyền là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963, có địa chỉ tại thôn Đ, xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Tại hợp đồng đó thì bà Nguyễn Thị T. Trong hợp đồng uỷ quyền có các nội dung chính như sau:

Về nội dung công việc uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị T; bà Đỗ Thị Cẩm N1; bà Dương Thị N và bà Dương Thị H1 bị bà Nguyễn Thị Bích H2 trú tại thôn Đ, xã L,

huyện Đ, thành phố Hà Nội nợ số tiền là khoảng 06 tỷ đồng. Những người có tên ở trên đang cho rằng bà H2 lừa đảo, chiếm đoạt tài sản.

Sau khi nghe những người có tên ở trên trình bày thì ông không khẳng định là vụ án hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như bà T và chị N nói.

Sau khi bàn bạc, thống nhất thì ngày 15/12/2022, những người có tên ở trên đã đến nhà nhờ ông S giúp đỡ. Hai bên ký hợp đồng dân sự, theo đó ông S sẽ là người đại diện theo ủy quyền để thay mọi người tham gia giải quyết vụ việc nêu trên. Trong hợp đồng dân sự, tại tiểu mục 6.1 của điều 6 có nội dung như sau: “*Bên B có trách nhiệm giúp bên A viết đơn trình báo gửi các cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu khởi tố bà Nguyễn Thị Bích H2 để điều tra về hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản. Trong trường hợp bà H2 bị khởi tố thì bên B là người đại diện cho bên bị hại tham gia mọi hoạt động tố tụng để bảo vệ quyền lợi cho những người có tên ở phần bên A trong hợp đồng này. Trong trường hợp không đủ điều kiện khởi tố hình sự vụ án mà phải giải quyết bằng con đường tòa án dân sự thì bên B phải có trách nhiệm giúp bên A viết đơn khởi kiện và hoàn thành bộ hồ sơ khởi kiện nộp tại Tòa án có thẩm quyền...*”

Tại tiểu mục 8.1, điều 8 của hợp đồng có thỏa thuận: “*nếu bên B từ chối việc tiếp tục tham gia tố tụng đối với vụ kiện mà không phải do lỗi của bên A thì bên B phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà bên A đã giao cho bên B*”.

Tại tiểu mục 8.2, điều 8 của hợp đồng có thỏa thuận: “*sau khi hai bên đã ký hợp đồng này và giao nhận tiền, nếu không thuộc trường hợp nêu tại tiểu mục 8.1 của điều 8 trong hợp đồng này thì đối với mọi trường hợp khác khi bên A từ chối hoặc không tiếp tục yêu cầu bên B thực hiện hợp đồng, bên A không được đòi lại tiền đã giao cho bên B khi ký hợp đồng này*”.

Sau khi ký hợp đồng dân sự thì hai bên ký ngay hợp đồng ủy quyền và đã được UBND xã T, huyện Đ chứng thực. Sau khi có hợp đồng, ông S đã thực hiện ngay việc làm đơn trình báo gửi nhiều cơ quan pháp luật, trong đó có Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Ngày 18/01/2023, Công an huyện Đ đã mời ông S đến làm việc theo giấy mời số 131/ngày 18/01/2023 do Phó thủ trưởng cơ quan Điều tra – Công an huyện Đ là Thượng tá Nguyễn Xuân M ký.

Sáng ngày 19/01/2023, ông đã đến Công an huyện Đ để làm việc, ngày 28/3/2023, ông S nhận được 02 văn bản có tên như sau:

1. Văn bản có tên: “*Đơn hủy hợp đồng chấm dứt ủy quyền*” giấy này viết bằng tay, viết bằng bút mực màu xanh. Tại phần đầu có ghi tên 03 người là: Nguyễn Thị T; Dương Thị N; Đào Thị H. Nhưng phần ký tên chỉ có tên bà Nguyễn Thị T và Đào Thị H (không có chữ ký của Dương Thị N).

Trong Văn bản này có 02 nội dung chính ghi tại mục 4 là: “chấm dứt hợp đồng ủy quyền” và yêu cầu ông S phải trả lại 60 triệu đồng”.

2. Văn bản có tên: “*Đơn hủy hợp đồng ủy quyền*”. Văn bản này được đánh máy và in trên khổ giấy A4, không ghi ngày, tháng, năm; có chữ ký của Nguyễn Thị

T; Đào Thị H; Dương Thị N. Nội dung chính của văn bản này là “chấm dứt hợp đồng và yêu cầu ông S trả lại 60 triệu đồng”.

Sau khi nhận được 02 văn bản này thì ông S đã thông báo cho Công an huyện Đ biết về việc ông không được tiếp tục tham gia giải quyết theo hợp đồng ủy quyền nữa.

Đến thời điểm hiện nay, vụ việc vẫn chưa được Công an huyện Đ kết luận là có khởi tố vụ án hình sự đối với bà H2 hay không. Đồng thời, ông S xác định ông không đơn phương từ chối hoặc chấm dứt thực hiện hợp đồng nên ông không có nghĩa vụ trả lại tiền cho bên A. Nội dung thỏa thuận này đã được ghi trong hợp đồng tại tiểu mục 6.1 của điều 6 và tiểu mục 8.1 và 8.2 của điều 8 trong hợp đồng, ông đã thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản được ký trong hợp đồng, ông không vi phạm hợp đồng và đương nhiên không phải trả lại tiền theo yêu cầu của bên A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Đào Thị H trình bày:

Bà H không trực tiếp ký hợp đồng với ông S, nhưng bà H là một trong những người đã cho bà H2 vay tiền, bà đồng ý bỏ ra số tiền 20.000.000 đồng để thuê ông S giúp đỡ, bảo vệ quyền, lợi ích cho mình trong vụ việc liên quan đến bà H2, do đó bà thừa nhận mặc dù bà không ký tên vào hợp đồng, nhưng bà hoàn toàn nhất trí để bà T đại diện mình đứng ra để ký hợp đồng với ông Bùi Doãn S. Về số tiền 20.000.000 đ bà cũng không chuyển trực tiếp cho ông S mà bà đưa cho bà T để bà T chuyển cho ông S, bà thừa nhận giữa bà H, bà T, bà H1 và chị N đã thống nhất cử bà T là người đại diện cho 4 người để đứng ra ký hợp đồng với ông S. Nay bà T và chị N khởi kiện thì bà H cũng nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T và chị N, yêu cầu ông S phải trả lại bà số tiền đã nhận của bà là 20.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Dương Thị H1 trình bày: Ngày 15/12/2022 bà có đến nhà ông S, mục đích để ký hợp đồng dịch vụ với ông S, bà đã chuyển số tiền 30.000.000^d (ba mươi triệu đồng cho ông S) theo nghĩa vụ hợp đồng. Mặc dù bà không trực tiếp ký vào hợp đồng nhưng nhất trí để bà T là người đại diện đứng ra ký hợp đồng với ông S. Nay bà T và chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ hợp đồng dân sự đã lập ngày 15/12/2022, và yêu cầu ông S phải trả lại số tiền đã nhận đó là quyền của bà T và chị N. Về phần bà thì bà vẫn tiếp tục nhờ ông S giúp đỡ theo thỏa thuận của hợp đồng vì vụ việc của bà H2 hiện nay Công an huyện Đ vẫn đang giải quyết. Do đó, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 24 tháng 04 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu huỷ hợp đồng dân sự lập ngày 15/12/2022.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ông Bùi Doãn S trả lại số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.
3. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Dương Thị N về việc yêu cầu ông Bùi Doãn S trả lại số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

4. Buộc bà Nguyễn Thị T, chị Dương Thị N phải liên đới trả cho ông Bùi Doãn S số tiền 10.000.000đ (mười triệu) đồng và bồi thường thiệt hại cho ông Bùi Doãn S số tiền 10.000.000đ (mười triệu) đồng.

Sau khi đối trừ nghĩa vụ giữa hai bên, ông Bùi Doãn S phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T, chị Dương Thị N số tiền là $90.000.000 - 20.000.000 = 70.000.000$ (bảy mươi triệu) đồng. Trong đó: Trả bà T số tiền là 46.666.666 đồng, trả chị N số tiền là 23.333.334 đồng.

5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T và chị Dương Thị N phải liên đới chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu hủy hợp đồng không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, bà T được miễn chịu án phí, do đó chị N phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch là: $300.000 : 2 = 150.000$ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng;

- Ông Bùi Doãn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với một phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là: $70.000.000 \times 5\% = 3.500.000$ đ (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng;

- Chị Dương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: $30.000.000 - 23.333.334 = 6.666.666 \times 5\% = 333.333$ đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Tổng số tiền án phí chị N phải chịu là 483.333 đ, nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006130, ngày 25/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa. Hoàn trả chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 266.667 đ.

Việc phân chia số tiền mà bà T yêu cầu ông S trả lại, trong đó có cả số tiền của bà H thì do bà T và bà H tự giải quyết. Nếu có tranh chấp thì được giải quyết ở vụ án khác.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/05/2024 ông Bùi Doãn S là bị đơn kháng cáo không nhất trí bản án sơ thẩm; Bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và kháng cáo bổ sung: Ông Bùi Doãn S kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với việc buộc ông S phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 70.000.000đồng. Tại phiên tòa ông S tiếp tục kháng cáo bổ sung đề nghị bà T và bà N phải bồi thường cho ông S số tiền 87.000.00đồng (bao gồm tiền công nghiên cứu hồ sơ, tiền thuê xe, tiền công đến tòa làm việc, tiền bồi thường tổn thất về tinh thần).

Sau khi nghe Hội đồng xét xử phân tích các đương sự bà Nguyễn Thị T, bà Dương Thị N, ông Bùi Doãn S đã tự nguyện thống nhất, thỏa thuận được với nhau về cách thức giải quyết vụ án như sau:

1. Chấm dứt hợp đồng dân sự lập ngày 15/12/2022 giữa bà Nguyễn Thị T, bà Dương Thị N và ông Bùi Doãn S.

2. Ông Bùi Doãn S có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T và bà Dương Thị N số tiền 37.500.000đồng. Bà T và bà N liên đới nhận lại 37.500.000đồng và không có yêu cầu gì khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm : Bà N tự chịu 750.000 đồng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa; ông S còn phải nộp toàn bộ tiền án phí sau khi đã trừ đi số tiền 750.000 đồng mà bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Định Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nhất trí với sự thỏa thuận của các đương sự, không có ý kiến nào khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148, Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự. Công nhận thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 24 tháng 04 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe lời trình bày của đương sự. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Bùi Doãn S làm trong hạn luật định, ông S đã nộp tiền tạm ứng án phí được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của ông Bùi Doãn S Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Bùi Doãn S, bà Nguyễn Thị T, bà Dương Thị N nhất trí thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án:

1. Chấm dứt hợp đồng dân sự lập ngày 15/12/2022 giữa bà Nguyễn Thị T, bà Dương Thị N và ông Bùi Doãn S.

2. Ông Bùi Doãn S có trách nhiệm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T và bà Dương Thị N số tiền 37.500.000đồng. Bà T và bà N liên đới nhận lại số tiền 37.500.000 đồng từ ông S.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm, do các đương sự đã thống nhất được với nhau về việc ông S có trách nhiệm trả cho bà T và bà N số tiền 37.500.000đồng nên án phí dân sự sơ thẩm được tính trên số tiền thực tế ông S phải trả lại cho bà T và bà N tương ứng là: $37.500.000 \times 5\% = 1.875.000$ đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà N tự nguyện chịu 750.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nên ông S còn phải có trách nhiệm chịu số án phí dân sự sơ thẩm còn lại là: 1.125.000đồng.

Hội đồng xét xử thấy, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau toàn bộ việc giải quyết vụ án; xét thấy đây là sự tự nguyện,

không trái pháp luật, không vi phạm điều cấm không trái đạo đức xã hội nên được HĐXX chấp nhận. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

[3]. Về án phí:

Về án phí dân sự phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì người kháng cáo là ông Bùi Doãn S phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự đã thống nhất được với nhau về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Ông S phải chịu 1.125.000đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ghi nhận bà N đã nộp 750.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm,

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T do bà T là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148; Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Bùi Doãn S. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 24 tháng 04 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1 Chấm dứt hợp đồng dân sự lập ngày 15/12/2022 giữa bà Nguyễn Thị T, bà Dương Thị N và ông Bùi Doãn S.

2.2. Ông Bùi Doãn S có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T và bà Dương Thị N số tiền 37.500.000đồng. Bà T và bà N liên đới nhận lại số tiền 37.500.000đồng từ ông Bùi Doãn S.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ghi nhận bà Dương Thị N đã nộp 750.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006130 ngày 25/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Ông Bùi Doãn S phải chịu 1.125.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T.

3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Doãn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên

lai thu tiền số 0006270 ngày 23/05/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Mức lãi suất do các đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thỏa thuận được thì lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Định Hóa;
- THADS huyện Định Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Bản